

Bản án số: 65/2024/HS-ST
Ngày: 03/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông: Lương Ngọc Vượng

2/ Bà: Nguyễn Phương Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh

Hung Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:

Bà: Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2024/TLST-HS ngày 10/5/2024. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST-HS ngày 23/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2024/QĐXXST-HS ngày 06/6/2024, đối với các bị cáo:

1/Họ và tên: **Lý Ngọc Đ**, sinh năm: 1984, tại: huyện K, tỉnh Hưng Yên; Giới tính: Nam.

HKTT: thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Lý Quốc T, sinh năm 1958; Con bà: Đào Thị O, sinh năm 1961. Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Vợ: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1985.

Bị cáo có 04 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2021.

+ Tiền án, tiền sự: Không

+ Nhân thân: Ngày 22/6/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H, có mặt tại phiên tòa.

2/Họ và tên: **Đặng Thị L**, sinh ngày 03/10/2006, tại: huyện Q, tỉnh Hà Giang; Giới tính: Nữ.

HKTT: thôn S, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Đặng Văn O1, sinh năm 1989; Con bà: Đặng Thị N, sinh năm 1989. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất.

+ Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Đặng Thị L: Bà Đặng Thị N, sinh năm 1989; Trú tại: Thôn S, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thị L: Bà Đỗ Thị H - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh H; Ông Trần Tuấn A - Luật sư thuộc Công ty L1, Đoàn Luật sư thành phố H.

3/Họ và tên: **Phùng Thị H1**, sinh năm 1992, tại: huyện Y, tỉnh Phú Thọ; Giới tính: Nữ.

HKTT: xóm G, xã T, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Phùng Sinh C (đã chết); Con bà: Dương Thị B, sinh năm 1972. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất

Chồng: Nguyễn Văn M, sinh năm 1989 (đã ly hôn)

Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015

+ Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H.

Trợ giúp viên bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị cáo: Bà Đỗ Thị H - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H.

(Đều có mặt).

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Chị Đặng Thị M1, sinh năm 2007; Trú tại: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt).

- Chị Lương Thị P (tên gọi khác là C1), sinh năm 2005; Trú tại: Bản B, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt).

- Anh Lưu Xuân H2, sinh năm 1999; Trú tại: Thôn L, xã Q, huyện A, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt).

- Anh Phạm Ngọc T2, sinh năm 1990; Trú tại: Tổ A, phường Đ, Thành phố T. (Vắng mặt).

- Anh Đào Huy H6, sinh năm 1995; Trú tại: Thôn L, xã C, huyện A. (Vắng mặt).

- Anh Ngô Công Q, sinh năm 2005; Trú tại: Thôn T, TT Â, huyện Â, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt).

- Anh Hoàng Văn P1, sinh năm 2001; Trú tại: phố N, TT Â, huyện Â, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị M2, sinh năm 1998; Trú tại: Xóm T, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

- Chị Vi Thị H3, sinh năm 2003; Trú tại: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. (Vắng mặt).

*** Những người làm chứng:**

- Chị Lý Thị V, sinh năm 2001; Trú tại: thôn S, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Chị Nguyễn Thị Thu H4, sinh năm 2006; Trú tại: Xóm Q, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Đều vắng mặt).

*** Những người chứng kiến:**

- Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1985; Trú tại: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt).

- Chị Hứa Thị H5, sinh năm 1994; Trú tại: T, huyện C, Tuyên Quang. (Vắng mặt).

- Chị Quan Thị P2, sinh năm 1993; Trú tại: M, L, tỉnh Quảng Bình. (Có mặt).

- Chị Lò Thị X, sinh năm 2002; Trú tại: Bản L, xã T, TP Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt).

- Chị Lò Thị Thanh T3, sinh năm 2003; Trú tại: T, TP Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt).

- Anh Ngô Xuân T4, sinh năm 1961; Trú tại thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1990; Trú tại thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 15 phút ngày 20/01/2024, tại phòng V, tầng 1 quán K thuộc địa phận thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên do Lý Ngọc Đ làm chủ, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh H tiến hành kiểm tra, phát hiện 12 nam, nữ thanh niên (trong đó 05 nam và 07 nữ nhân viên phục vụ quán hát Karaoke Ven S), cụ thể gồm: Vi Thị H3, sinh năm 2003, HKTT: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng

Sơn; Lý Thị V, sinh năm 2001, HKTT: thôn S, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Đặng Thị M1, sinh năm 2007, HKTT: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; Đặng Thị L, sinh ngày 03/10/2006, HKTT: thôn S, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Lường Thị P (tên gọi khác là C1), sinh năm 2005, HKTT: Bản B, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; Phùng Thị H1, sinh năm 1992, HKTT: xóm G, xã T, huyện Y, tỉnh Phú Thọ; Nguyễn Thị Thu H4, sinh năm 2006, HKTT: Xóm Q, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Lưu Xuân H2, sinh năm 1999, HKTT: thôn L, xã Q, huyện A, tỉnh Hưng Yên; Phạm Ngọc T2, sinh năm 1990, HKTT: Tổ A, phường Đ, Thành phố T; Đào Huy H6, sinh năm 1995, HKTT: Thôn L, xã C, huyện A; Hoàng Văn P1, sinh năm 2001, HKTT: phố N, TT A, huyện A, tỉnh Hưng Yên; Ngô Công Q, sinh năm 2005; Trú tại: Thôn T, thị trấn A, huyện A, tỉnh Hưng Yên đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ tại bàn phòng hát: 01 (một) đĩa sứ màu trắng hình tròn, trên mặt đĩa gồm các đồ vật sau: Chất bột tinh thể màu trắng (niêm phong ký hiệu MT1); 01 (một) thẻ căn cước công dân mang tên Trần Văn Đ1; 01 (một) tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng được cuộn tròn dạng ống hút; 01 (một) túi nilon màu trắng, viền màu đỏ, thân túi có in hình mặt cười; 01 (một) túi nilon màu trắng, viền màu đỏ (niêm phong ký hiệu chung MT2) và 01 bật lửa gas màu đỏ.

Ngày 20/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh H quản lý tài sản, đồ vật của các đối tượng trong phòng hát Vip 3 gồm: Đặng Thị L 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng và số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng); Phạm Ngọc T2 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh; Lưu Xuân H2 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu tím; Hoàng Văn P1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám; Lý Thị V 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh; Nguyễn Thị Thu H4 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh; Đặng Thị M1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng và 01 (một) điện thoại di động Redmi màu trắng của Lường Thị P (tên gọi khác C1).

Cùng ngày 20/01/2024, Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an tỉnh H khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lý Ngọc Đ tại quán K. Quản lý, thu giữ: 02 (hai) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng; một số giấy tờ liên quan đến hoạt động kinh doanh Karaoke do Lý Ngọc Đ làm chủ; 01 (một) sổ thanh toán hóa đơn của nhà hàng V1, bên trong có 01 (một) tờ hóa đơn ghi chữ và số ngày 20/01 và 01 (một) tờ bản in than; 01 (một) đầu ghi Camera nhãn hiệu Dahua; 01 (một) rắc cắm chuột; 01 (một) rắc cắm nguồn; 01 (một) dây kết nối (niêm phong trong thùng bì catton ký hiệu A). Đồng thời lấy mẫu nước tiểu, mẫu máu đối với 12 đối tượng trong phòng hát Vip 3 để xét nghiệm tại Bệnh xá Công an tỉnh và Trung tâm xét nghiệm Greenlab và khoa độc học Viện P3 - Bộ Q1 để xét nghiệm. Kết quả 09/12 đối tượng dương tính với ma túy loại Ketamine và

MDMA (*thuốc lắc*). Cụ thể: Lưu Xuân H2, Hoàng Văn P1, Lương Thị P, Vi Thị H3 dương tính với ma túy loại Ketamine; Đào Huy H6, Ngô Công Q, Đặng Thị M1, Phùng Thị H1 và Đặng Thị L dương tính với ma túy loại Ketamine và MDMA (*thuốc lắc*).

Bản kết luận giám định số: 203/KL-KTHS(MT) ngày 23/01/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận:

- Các chất tinh thể màu trắng trong niêm phong ký hiệu MT1 có tổng khối lượng là: 0,475g (*không thấy bốn trăm bảy mươi lăm gam*) ma túy, loại Ketamine.
- Chất tinh thể màu trắng trong niêm phong ký hiệu MT2, không xác định được khối lượng, là ma túy loại Ketamine.

Quá trình điều tra xác định: Trưa ngày 20/01/2024, Đ có việc nên nhờ vợ là Nguyễn Thị T1 trông và quản lý quán hát. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, một nhóm thanh niên đến yêu cầu T1 cho một phòng hát và nhân viên nữ phục vụ rót bia, bấm bài rồi đi vào phòng Vip 3. Sau đó, T1 gọi 07 nhân viên nữ lên phòng Vip 3 để phục vụ rót bia, bấm bài theo yêu cầu của khách. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Lý Ngọc Đ về thì T1 giao lại quán để về nhà tại thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Khoảng 15 giờ cùng ngày, Đặng Thị L đi từ phòng Vip 3 ra quầy thông báo cho Đ biết phòng hát Vip 3 khách sử dụng ma túy để bay lắc, Đ đồng ý rồi ghi vào tờ hóa đơn để tính giá tiền thuê phòng và trả công cho nhân viên phục vụ. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an tỉnh H kiểm tra cơ sở quán hát Karaoke V Sông phát hiện tại phòng hát Vip 3 có 12 nam, nữ thanh niên đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại cơ quan điều tra, Lý Ngọc Đ khai nhận: Với động cơ, mục đích hưởng lợi nên trước ngày 20/01/2024 khoảng 01 tháng, Đ thông báo các nhân viên nữ cho khách đến hát Karaoke thuê phòng sử dụng ma túy để bay lắc, phục vụ khi khách có nhu cầu. Trước đó, Đ cho khách thuê phòng hát sử dụng ma túy khoảng 02 đến 03 lần nhưng không nhớ ngày, tháng, phòng hát, nhân viên, khách đến hát và không biết nguồn ma túy khách sử dụng, hóa đơn thanh toán tiền với khách trước ngày 20/01/2024, Đ đã xé bỏ. Đ thừa nhận ngày 20/01/2024 tại phòng hát Vip 3 quán Karaoke do Đ quản lý đã cho khách thuê địa điểm để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại Cơ quan điều tra, Đặng Thị L khai: Chiều ngày 20/01/2024, L cùng 06 nhân viên nữ đang phục vụ khách hát gồm 05 thanh niên tại phòng Vip 3, tầng 1 quán karaoke Ven S. L được một nam thanh niên gọi vào phòng vệ sinh đưa cho L 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*) nhờ mua ma túy Ketamine và ma túy tổng hợp (MDMA) để mọi người trong phòng cùng sử dụng. Do mong muốn giữ được khách và được khách “bo” thêm tiền nên L đồng ý rồi mượn

điện thoại của nam thanh niên nhờ L mua ma túy gọi điện hỏi mua 02 gói Ketamine và 03 viên ma túy tổng hợp với giá 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*) của một nam thanh niên không biết tên, tuổi, địa chỉ. Khi gọi điện hỏi mua ma túy, L giới thiệu là nhân viên quán hát Karaoke Ven Sông và thỏa thuận khi nào khách sử dụng ma túy xong thì L sẽ thanh toán tiền trực tiếp. Sau khi mua được ma túy, L cầm vào phòng hát Vip 3, L nói với các nhân viên nữ “*Chị nào biết xào ke thì xào cho khách sử dụng cho phê*” rồi L đưa 01 gói Ketamine, 01 viên thuốc lắc cho Phùng Thị H1, đưa 01 viên thuốc lắc cho Đặng Thị M1, còn lại một viên thuốc lắc L không nhớ đưa cho ai. Do kẹo cao su trong phòng hát không còn, L ra ngoài quầy nói với Lý Ngọc Đ “*Chú ơi! Phòng Vip 3 khách bay*” rồi lấy kẹo cao su quay lại phòng hát. Tại phòng hát, H1 đưa cho L $\frac{1}{4}$ viên thuốc lắc, L cầm rồi pha vào nước C2 đưa lên miệng uống, phần thuốc lắc còn lại H1 pha vào cốc nước C2 đưa lên miệng uống và đưa cho người khác sử dụng. Trong khi H1 “*xào ke*” còn L lấy tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng (*là tiền của L*) cuộn thành dạng ống hút để trên bàn. Sau khi H1 “*xào ke*” xong, H1 bê đĩa ma túy cùng ống hút do L cuộn đưa cho từng người trong phòng sử dụng. Khi mọi người sử dụng hết số ma túy trên đĩa sứ, L đưa tiếp 01 gói Ketamine để H1 “*xào ke*” cho mọi người trong phòng sử dụng nhưng không sử dụng hết nên H1 để đĩa còn ma túy trên bàn rồi cùng mọi người bay lắc. Đến 16 giờ cùng ngày, L và các đối tượng đang sử dụng ma túy đã bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an tỉnh H phát hiện và lập biên bản vụ việc.

Về nguồn gốc số ma túy, L khai: Khoảng gần 01 tháng trước khi bị bắt, L được một nữ nhân viên quán hát Ven S cho số điện thoại, L đã ghi số điện thoại ra tờ giấy, sau khi mua ma túy, L đã xé bỏ tờ giấy và không còn nhớ số điện thoại của người bán ma túy cho L. Đối với số tiền 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*) do nam thanh niên đưa nhờ L mua ma túy, do sợ rơi khi “*bay lắc*” nên L nhờ Nguyễn Thị M2 là nhân viên của quán giữ hộ 5.800.000 đồng (*số tiền này M2 tự nguyện nộp lại cho Cơ quan điều tra - Công an tỉnh H*), L giữ lại số tiền 1.200.000 đồng (*một triệu hai trăm nghìn đồng*).

Tại cơ quan điều tra, Phùng Thị H1 khai nhận: Chiều ngày 20/01/2024, tại phòng hát Karaoke V Ven S, Đặng Thị L đưa cho H1 02 gói ma túy dạng Ketamine. Sau đó, H1 lấy 01 đĩa sứ màu trắng, 01 cuộn giấy vệ sinh và 01 thẻ CCCD để làm công cụ, phương tiện để “*xào ke*” rồi đưa lại cho mọi người trong phòng hát sử dụng. Ngoài ra, L còn đưa cho H1 01 viên thuốc lắc (MDMA), H1 bẻ cho L $\frac{1}{4}$ viên, số còn lại H1 pha vào cốc nước C để uống rồi đưa cho mọi người trong phòng hát cùng sử dụng. Đến 16 giờ cùng ngày 20/01/2024, H1 và các đối tượng đang sử dụng ma túy đã bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an tỉnh H phát hiện và lập biên bản vụ việc. Lời khai của Phùng Thị H1 phù hợp

với lời khai của L, các nữ nhân viên và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Lời khai của Lưu Xuân H2, Phạm Ngọc T2, Đào Huy H6, Hoàng Văn P1 và Ngô Công Q, khai nhận: Trưa ngày 20/01/2024, sau khi đi ăn cỗ đám cưới nhà người quen, T2 rủ mọi người cùng đi hát. Khi đến quán K, nhóm của T2 vào phòng hát Vip 3 và có gọi nhân viên nữ để phục vụ rót bia, bấm bài hát thì được chủ quán cho 07 nhân viên vào phòng hát phục vụ. Khi đang hát thì Đặng Thị L nói “các anh bay tý nhé”, rồi L đi ra ngoài. Một lúc sau, L quay lại mang theo 02 gói Ketamine và 03 viên thuốc lắc vào phòng hát, L đưa cho H1 02 gói Ketamine để H1 “xào ke” và 01 viên thuốc lắc cho nhân viên khác sử dụng.

Lời khai của Vi Thị H3, Lý Thị V, Đặng Thị M1, Lường Thị P (Cở), Nguyễn Thị Thu H4, khai nhận: Không biết nhóm khách đến hát có bao nhiêu người, không chứng kiến nhóm hát thống nhất, góp tiền mua ma túy, không biết ai đưa tiền cho L mua ma túy. Lời khai của các nữ nhân viên này phù hợp với lời khai của L, H1, nhóm thanh niên đến hát và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Đối với Nguyễn Thị T1 không biết phòng hát Vip3 khách hát và nhân viên sử dụng ma túy, không biết việc Đ cho khách hát và nhân viên sử dụng ma túy tại quán. Do vậy, không có căn cứ để xử lý.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Đặng Thị L, do L không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ nên không đủ thông tin xác minh, xử lý.

Đối với Nguyễn Thị M2 cầm giúp L số tiền 5.800.000 đồng, do M2 không biết số tiền trên L đưa cầm hộ là tiền dùng để mua ma túy. Do vậy, Không có căn cứ xử lý đối với M2.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lưu Xuân H2, Đào Huy H6, Hoàng Văn P1, Ngô Công Q, Lường Thị P, Vi Thị H3, Đặng Thị M1, Cơ quan điều tra Công an tỉnh H đã có Công văn và chuyển hồ sơ, tài liệu đề nghị Trưởng phòng CSĐTTP về ma túy xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

****Vật chứng thu giữ:***

- 01 hộp bìa cattong được niêm phong ghi số: 203/KL-KTHS (MT) của Phòng K1 - Công an tỉnh H, bên trong chứa 0,458g (*không thấy bốn năm tám gam*) ma túy, loại Ketamine; 01 (*một*) phong bì niêm phong hoàn mẫu vật sau giám định; 01 (*một*) đĩa sứ hình tròn màu trắng; 01 (*một*) Căn cước công dân mang tên Trần Văn Đ1; 01 (*một*) ống hút được quấn tròn bằng tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng (*hai mươi nghìn đồng*); 02 (*hai*) túi nilon màu trắng, viền màu đỏ. Hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng Công an tỉnh H.

- 01 (*một*) bật lửa gas màu đỏ; 01 (*một*) điện thoại Iphone màu vàng bên trong lắp 02 sim V2, 1 sim có 05 số cuối trên sim là 79631, sim 2 có 05 số cuối

trên sim là 94943 và 01 (một) điện thoại Iphone màu vàng bên trong lắp 01 sim Mobifone, có 04 số cuối trên sim là 6405, điện thoại bị nứt vỡ mặt sau chỗ camera (*quản lý của Đ*); 01 (một) điện thoại Iphone màu vàng kèm 01 sim V2 có 05 số cuối trên sim là 40231 (*quản lý của L*); 01 (một) đầu thu camera nhãn hiệu Dahua; 01 (một) dây dẫn kết nối màu đen; 01 (một) đôi nguồn dây màu đen; 01 (một) chuột máy tính có dây màu đen. Hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng Công an tỉnh H.

- Quá trình hoạt động kinh doanh quán hát karaoke, Lý Ngọc Đ cho khách sử dụng trái phép chất ma túy. Do vậy, ngày 26/01/2024, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh H và Công an huyện K đã ra Quyết định thu hồi một số giấy tờ liên quan hoạt động hát Karaoke do Lý Ngọc Đ là chủ cơ sở. Cơ quan điều tra Công an tỉnh H đã trả lại cho chị Nguyễn Thị T1 để chị T1 nộp lại cho các đơn vị đã ra Quyết định thu hồi.

- Đối với 01 (một) sổ thanh toán hóa đơn của nhà hàng V1, bên trong có 01 (một) tờ hóa đơn ghi chữ và số ngày 20/01 và 01 (một) tờ bản in than. Hiện đang bảo quản theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 07 điện thoại di động là tài sản hợp pháp của Phạm Ngọc T2, Lưu Xuân H2, Hoàng Văn P1, Lý Thị V, Đặng Thị M1, Lương Thị P và Nguyễn Thị Thu H4. Quá trình kiểm tra 07 điện thoại này không phát hiện nội dung liên quan đến hành vi Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra - Công an tỉnh H đã trả lại cho các chủ sở hữu.

- Số tiền 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*) hiện đang gửi tại tài khoản tạm giữ của Công an tỉnh H mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh H.

Cáo trạng số: 53/CT-VKS-P1 ngày 09/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố các bị cáo Đặng Thị L và Phùng Thị H1 về tội “***Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy***” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lý Ngọc Đ về tội “***Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy***” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo nội dung bản cáo trạng; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đặng Thị L và Phùng Thị H1 phạm tội “***Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy***”; Bị cáo Lý Ngọc Đ phạm tội “***Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy***”.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đặng Thị L và Phùng Thị H1 (Áp dụng thêm Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L).

Xử phạt bị cáo Đặng Thị L từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/01/2024.

Xử phạt bị cáo Phùng Thị H1 từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/01/2024.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lý Ngọc Đ.

Xử phạt bị cáo Lý Ngọc Đ từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù, thời hạn tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/01/2024.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) hộp bìa cattong được niêm phong ghi số: 203/KL-KTHS (MT) của Phòng K1 - Công an tỉnh H, bên trong chứa 0,458g (không thấy bốn năm tám gam) ma túy, loại Ketamine; 01 (một) phong bì hoàn mẫu vật sau giám định; 01 (một) đĩa sứ hình tròn màu trắng; 01 (một) thẻ Căn cước công dân mang tên Trần Văn Đ1; 02 (hai) túi nilon màu trắng, viền màu đỏ; 01 (một) bật lửa gas màu đỏ.

- Trả lại bị cáo Đ: 01 (một) điện thoại Iphone màu vàng bên trong lắp 02 sim V2, 1 sim có 05 số cuối trên sim là 79631, sim 2 có 05 số cuối trên sim là 94943 và 01 (một) điện thoại Iphone màu vàng bên trong lắp 01 sim Mobifone, có 04 số cuối trên sim là 6405, điện thoại bị nứt vỡ mặt sau chỗ camera (quản lý của Đ); 01 (một) đầu thu camera nhãn hiệu Dahua; 01 (một) dây dẫn kết nối màu đen; 01 (một) đổi nguồn dây màu đen; 01 (một) chuột máy tính có dây màu đen.

- Trả lại bị cáo L: 01 (một) điện thoại Iphone màu vàng kèm 01 sim V2 có 05 số cuối trên sim là 40231 (quản lý của L).

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 7.000.000 đồng và 01 ống hút được quán tròn bằng tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng.

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 01 (một) sổ thanh toán hóa đơn của nhà hàng V1, bên trong có 01 (một) tờ hóa đơn ghi chữ và số ngày 20/01 và 01 (một) tờ bản in than.

* Luật sư bào chữa và Trợ giúp viên bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị cáo L trình bày bản bào chữa: Nhất trí về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo tại Bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét:

- Cho bị cáo L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ người phạm tội đầu thú.

- Bị cáo phạm tội chưa được hưởng lợi ích gì, thực hiện hành vi phạm tội một cách thụ động (do được khách nhờ) do nhận thức pháp luật có nhiều hạn chế.

- Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội, đã tự nguyện nộp lại số tiền bị cáo đã nhận để mua ma túy. Thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và đến tại phiên tòa hôm nay bị cáo vẫn đang ở tuổi vị thành niên. Bị cáo sinh ra và lớn lên ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

Đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức đề xuất của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

* Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo H1 trình bày: Nhất trí về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo tại Bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét:

- Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế. Hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện rất khó khăn, bị cáo là mẹ đơn thân đang nuôi hai con nhỏ, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức.

Đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt ở khởi điểm khung hình phạt.

Các bị cáo L, H1, người đại diện hợp pháp cho bị cáo L nhất trí, không bổ sung bản bào chữa của Luật sư và Trợ giúp viên, không tranh luận, nhất trí với nội dung bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo sớm trở về gia đình và hòa nhập cộng đồng.

Bị cáo Đ không tranh luận, nhất trí với nội dung bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về gia đình và hòa nhập cộng đồng.

* Quan điểm tranh luận của đại diện Viện kiểm sát:

- Bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội và bị bắt quả tang nên không có căn cứ cho bị cáo được hưởng tình tiết người phạm tội đầu thú quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Mức hình phạt Viện kiểm sát đề xuất đối với bị cáo L đã thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật đảm bảo việc áp dụng mức hình phạt đối với trẻ vị thành niên phạm tội. Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm về hình phạt đối với bị cáo L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Điều tra - Công an tỉnh H; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên; Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng từ giai đoạn điều tra cho đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp khách quan với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Lời khai của người làm chứng; Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Bản kết luận giám định số: 203/KL-KTHS(MT) ngày 23/01/2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh H, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ kết luận: Hồi 16 giờ 15 phút ngày 20/01/2024, tại phòng V, tầng 1 quán K thuộc địa phận thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên do Lý Ngọc Đ Làm chủ. Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an tỉnh H tiến hành kiểm tra, phát hiện 12 nam, nữ thanh niên (trong đó 05 nam và 07 nữ nhân viên phục vụ quán hát Karaoke Ven S) đang có hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”. Vật chứng thu giữ tại bàn phòng hát: 01 (một) đĩa sứ màu trắng hình tròn, trên mặt đĩa gồm các đồ vật sau: Chất bột tinh thể màu trắng (niêm phong ký hiệu MT1); 01 (một) thẻ căn cước công dân mang tên Trần Văn Đ1; 01 (một) tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng được cuộn tròn dạng ống hút; 01 (một) túi nilon màu trắng, viền màu đỏ, thân túi có in hình mặt cười; 01 (một) túi nilon màu trắng, viền màu đỏ (niêm phong ký hiệu chung MT2) và 01 bật lửa gas màu đỏ.

Tiến hành lấy mẫu nước tiểu, mẫu máu đối với 12 đối tượng trong phòng hát Vip 3 để xét nghiệm tại Bệnh xá Công an tỉnh và Trung tâm X1 - Bộ Q1 để xét nghiệm, Kết quả 09/12 đối tượng dương tính ma túy loại Ketamine và MDMA (*thuốc lắc*).

Quá trình điều tra xác định: Chiều ngày 20/01/2024, bị cáo L cùng 06 nhân viên nữ đang phục vụ khách hát tại phòng V, tầng 1 quán karaoke Ven S. Bị cáo được một nam thanh niên gọi vào phòng vệ sinh đưa cho 7.000.000 đồng nhờ mua ma túy Ketamine và ma túy tổng hợp (MDMA) để mọi người trong phòng cùng sử dụng. Do mong muốn giữ được khách và được khách “*bo*” thêm tiền nên bị cáo L đồng ý và gọi điện hỏi mua 02 gói Ketamine và 03 viên ma túy tổng hợp với giá 7.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, L cầm vào phòng hát Vip 3 đưa 01 gói Ketamine, 01 viên thuốc lắc cho Phùng Thị H1, đưa 01

viên thuốc lắc cho Đặng Thị M1, còn lại một viên thuốc lắc bị cáo không nhớ đưa cho ai. Do kẹo cao su trong phòng hát không còn, L ra ngoài quầy nói với bị cáo Đ “*Chú ơi! Phòng Vip 3 khách bay*” rồi lấy kẹo cao su quay lại phòng hát. Tại phòng hát, bị cáo H1 đưa cho L $\frac{1}{4}$ viên thuốc lắc, L cầm rồi pha vào nước C2 đưa lên miệng uống, phần thuốc lắc còn lại H1 pha vào cốc nước C2 đưa lên miệng uống và đưa cho người khác sử dụng. Trong khi bị cáo H1 “xào ke” thì bị cáo L lấy tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng (là tiền của L) cuộn thành dạng ống hút để trên bàn. Sau khi H1 “xào ke” xong, H1 bê đĩa ma túy cùng ống hút do L cuộn đưa cho từng người trong phòng sử dụng. Khi mọi người sử dụng hết số ma túy trên đĩa sứ, L đưa tiếp 01 gói Ketamine để H1 “xào ke” cho mọi người trong phòng sử dụng nhưng không sử dụng hết nên H1 để đĩa còn ma túy trên bàn rồi cùng mọi người bay lắc. Đến 16 giờ cùng ngày, L và các đối tượng đang sử dụng ma túy đã bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an tỉnh H phát hiện và lập biên bản vụ việc. Hành vi của bị cáo Đặng Thị L mua ma túy về và cùng Phùng Thị H1 chuẩn bị công cụ, phương tiện để các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy trong đó có đối tượng dưới 18 tuổi tại phòng hát Vip 3 quán Karaoke Ven S đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lý Ngọc Đ với mục đích lợi nhuận đã sử dụng địa điểm do mình quản lý cho các đối tượng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm chế độ quản lý đặc biệt của Nhà nước đối với ma túy và các chất gây nghiện. Các bị cáo đều biết rõ tác hại của việc sử dụng trái phép chất ma túy cũng như hậu quả và hệ lụy do ma túy để lại đối với sức khỏe, kinh tế của bản thân, gia đình và xã hội. Mặt khác, từ việc mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy còn là nguyên nhân dẫn đến lây lan căn bệnh thế kỷ HIV - AIDS. Đối tượng là tầng lớp thanh, thiếu niên là nguồn lao động chính trong xã hội, gây băng hoại đạo đức xã hội, làm giảm sức lao động và là nguyên nhân nảy sinh các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Bị cáo Đ với mục đích kiếm lời đã sử dụng nơi kinh doanh do mình quản lý để cho các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo L với mục đích lôi kéo khách và muốn được khách bỏ thêm tiền và hưởng một phần chênh lệch từ việc mua ma túy về cho cả nhóm sử dụng nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo H1 tích cực giúp sức cho bị cáo L chia ma túy để cho cả nhóm sử dụng.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo đều có thân nhân là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng các danh hiệu cao quý. Ngoài ra, bị cáo L và H1 là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên các bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo Đ có nhân thân xấu, ngày 22/6/2009 bị Toà án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” đến nay đã được xóa. Các bị cáo L và H1 đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5]. Về hình phạt:

Trong vụ án có bị cáo thực hiện hành vi đồng phạm, có bị cáo thực hiện hành vi độc lập nên khi cân nhắc hình phạt đối với các bị cáo, hội đồng xét xử căn cứ vai trò, vị trí của các bị cáo trong đồng phạm; đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo để cân nhắc xử phạt các bị cáo mức hình phạt cụ thể tương ứng với vai trò, vị trí của từng bị cáo.

5.1/ Đối với hành vi “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”:

+ Bị cáo Đặng Thị L: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là đầu vụ, khi được khách nhờ mua ma túy về để tổ chức sử dụng tại phòng hát. Với động cơ, mục đích lôi kéo khách và được khách “bo” thêm tiền, bị cáo đã đồng tình nhận lời và liên hệ mua ma túy về để cả nhóm sử dụng. Sau khi mua được ma túy, bị cáo chủ động hỏi các nhân viên quán hát xem ai biết “xào ke” để chia ma túy cho cả nhóm sử dụng và đưa cho H1 ma túy để H1 thực hiện việc chia ma túy còn bản thân bị cáo chuẩn bị các công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi sử dụng ma túy. Trong tội danh này bị cáo là người giữ vai trò cao nhất nên phải chịu mức hình phạt cao nhất. Mặc dù bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự nhưng được hưởng ít tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng nên khi cân nhắc hình phạt đối với bị cáo, hội đồng xét xử xem xét cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian như nội

dung đề xuất của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mới đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội và đến thời điểm xét xử sơ thẩm, bị cáo vẫn đang ở tuổi vị thành niên. Do vậy, khi cân nhắc hình phạt đối với bị cáo, hội đồng xét xử xem xét áp dụng các Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự để đưa ra mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo.

+ Bị cáo Phùng Thị H1: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo L, khi L mua ma túy về và hỏi xem có ai biết “xào ke” thì bị cáo là người chịu trách nhiệm “xào ke” và đưa ma túy cho các đối tượng trong phòng sử dụng đồng thời cũng chính bị cáo là người chia ma túy dạng “keo” cho L một phần, phần còn lại bị cáo cho vào nước Cocacola pha để bị cáo và cả nhóm sử dụng. Hành vi phạm tội của bị cáo là đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo L. Mặc dù bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự, là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nhưng bị cáo được hưởng ít tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Do vậy, khi cân nhắc hình phạt đối với bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

5.2/ Đối với hành vi “*Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy*” của bị cáo Lý Ngọc Đ: Mặc dù bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự nhưng bị cáo được hưởng ít tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án đưa ra xét xử nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân trở thành công dân có ích cho xã hội mà với động cơ, mục đích lợi nhuận bị cáo đã đồng ý cho các đối tượng sử dụng địa điểm do bị cáo quản lý để Tổ chức sử dụng trái phép ma túy. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng nên khi cân nhắc hình phạt đối với bị cáo, hội đồng xét xử cân nhắc cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc và tiếp tục cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

**Về hình phạt bổ sung:*

Bị cáo Đ không có việc làm và thu nhập ổn định, các bị cáo L và H1 là dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, các bị cáo đều có đơn xin miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét thấy, miễn áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 hộp bìa cattong được niêm phong ghi số: 203/KL-KTHS (MT) của Phòng K1 - Công an tỉnh H, bên trong chứa 0,458g (*không thấy bốn năm tám gam*) ma túy, loại Ketamine; 01 (*một*) phong bì hoàn mẫu vật sau giám

định; 01 (một) đĩa sứ hình tròn màu trắng; 01 (một) thẻ Căn cước công dân mang tên Trần Văn Đ1; 02 (hai) túi nilon màu trắng, viền màu đỏ; 01 (một) bật lửa gas màu đỏ là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với: 01 (một) điện thoại Iphone màu vàng bên trong lắp 02 sim V2, 1 sim có 05 số cuối trên sim là 79631, sim 2 có 05 số cuối trên sim là 94943 và 01 (một) điện thoại Iphone màu vàng bên trong lắp 01 sim Mobifone, có 04 số cuối trên sim là 6405, điện thoại bị nứt vỡ mặt sau chỗ camera (*quản lý của Đ*); 01 (một) đầu thu camera nhãn hiệu Dahua; 01 (một) dây dẫn kết nối màu đen; 01 (một) đổi nguồn dây màu đen; 01 (một) chuột máy tính có dây màu đen là tài sản của bị cáo Đ và gia đình bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cần trả lại cho bị cáo và gia đình sử dụng.

- Đối với: 01 (một) điện thoại Iphone màu vàng kèm 01 sim V2 có 05 số cuối trên sim là 40231 (*quản lý của L*), không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cần trả lại cho bị cáo sử dụng.

- Đối với số tiền 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*) là số tiền bị cáo L nhận để mua ma túy và tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng (*hai mươi nghìn đồng*) bị cáo L dùng làm ông hút để sử dụng ma túy. Đây là số tiền có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với: 01 (một) sổ thanh toán hóa đơn của nhà hàng V1, bên trong có 01 (một) tờ hóa đơn ghi chữ và số ngày 20/01 và 01 (một) tờ bản in than là các giấy tờ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo. Cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Các bị cáo L, H1 là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Các bị cáo đều có đơn xin miễn án phí nên cần miễn áp phí cho các bị cáo.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Thị L và Phùng Thị H1 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Bị cáo Lý Ngọc Đ phạm tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đặng Thị L và Phùng Thị H1 (áp dụng thêm Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L).

Xử phạt bị cáo Đặng Thị L 04 (*bốn*) năm tù, thời hạn tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/01/2024.

Xử phạt bị cáo Phùng Thị H1 07 (*bảy*) năm tù, thời hạn tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/01/2024.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lý Ngọc Đ.

Xử phạt bị cáo Lý Ngọc Đ 07 (*bảy*) năm 03 (*ba*) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/01/2024.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[3]. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 hộp bìa cattong được niêm phong ghi số: 203/KL-KTHS (MT) của Phòng K1 - Công an tỉnh H, bên trong chứa 0,458g (*không thấy bốn năm tám gam*) ma túy, loại Ketamine; 01 (*một*) phong bì hoàn mẫu vật sau giám định; 01 (*một*) đĩa sứ hình tròn màu trắng; 01 (*một*) thẻ Căn cước công dân mang tên Trần Văn Đ1; 02 (*hai*) túi nilon màu trắng, viền màu đỏ; 01 (*một*) bật lửa gas màu đỏ.

- Trả lại bị cáo Đ: 01 (*một*) điện thoại Iphone màu vàng bên trong lắp 02 sim V2, sim 1 có 05 số cuối trên sim là 79631, sim 2 có 05 số cuối trên sim là 94943 và 01 (*một*) điện thoại Iphone màu vàng bên trong lắp 01 sim Mobifone, có 04 số cuối trên sim là 6405, điện thoại bị nứt vỡ mặt sau chỗ camera (*quản lý của Đ*); 01 (*một*) đầu thu camera nhãn hiệu Dahua; 01 (*một*) dây dẫn kết nối màu đen; 01 (*một*) đôi nguồn dây màu đen; 01 (*một*) chuột máy tính có dây màu đen.

- Trả lại bị cáo L: 01 (*một*) điện thoại Iphone màu vàng kèm 01 sim V2 có 05 số cuối trên sim là 40231 (*quản lý của L*).

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) và 01 (*một*) ống hút được quán tròn bằng tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng (*hai mươi nghìn đồng*).

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 01 (*một*) sổ thanh toán hóa đơn của nhà hàng V1, bên trong có 01 (*một*) tờ hóa đơn ghi chữ và số ngày 20/01 và 01 (*một*) tờ bản in than.

(Số lượng, chủng loại, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/5/2024 giữa Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên và Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh H).

[4]. Về án phí: Bị cáo Đ phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm hình sự. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo L và H1.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, luật sư, trợ giúp viên và người đại diện cho bị cáo L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Vụ GĐKT I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNV - CA tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo; người có QL&NV liên quan;
- Lưu HSVA, VP, THAHS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Lâm